

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM  
VIỆN SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT

TRỊNH NGỌC BON

NGHIÊN CỨU PHÂN LOẠI CHI ME NGUỒN  
(*PHYLLAGATHIS* BLUME) VÀ SỜN LINH (*SONERILA*  
ROXB.) THUỘC HỌ MUA (MELASTOMATACEAE JUSS)  
Ở VIỆT NAM

LUẬN VĂN THẠC SĨ

*GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:*

TS. NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

HÀ NỘI – 2016

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM  
VIỆN SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT

**TRỊNH NGỌC BÓN**

**NGHIÊN CỨU PHÂN LOẠI CHI ME NGUỒN  
(*PHYLLAGATHIS* BLUME) VÀ SƠN LINH (*SONERILA*  
ROXB.) THUỘC HỌ MUA (MELASTOMATACEAE JUSS)  
Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành : Thực vật học**

**Mã số : 60 42 01 11**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**

***GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:***

**TS. NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**

**HÀ NỘI – 2016**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài luận văn

Giới thực vật đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống của con người. Vì vậy một yêu cầu thực tế được đặt ra là phải phân loại chúng để sử dụng vào các mục đích khác nhau của con người. Nhiệm vụ của phân loại học là tìm ra các phương pháp sắp xếp các loài thành các nhóm, các loại khác nhau, về sau do sự phát triển của khoa học, phân loại học thực vật mới có bước chuyển to lớn và nhiệm vụ là sắp xếp tất cả cây cỏ trên trái đất vào một trật tự tự nhiên gọi là hệ thống, hệ thống đó phải phản ánh được quá trình tiến hóa của giới thực vật. Việc nghiên cứu phân loại các loài cây, làm sáng tỏ mối quan hệ thân thuộc giữa các loài, các chi, các họ không những có tầm quan trọng về mặt lý thuyết mà còn có ý nghĩa thực tiễn to lớn. Phân loại học cùng với nhiều bộ môn khoa học khác (Hệ thống học thực vật, sinh thái thực vật, thổ nhưỡng học ...) là chìa khóa để điều tra tài nguyên thực vật. Sự phát triển của phân loại học luôn gắn liền với sự phát triển tri thức khoa học của loài người (sự phát triển về phương pháp và công cụ nghiên cứu). Nên thế giới thực vật được sắp xếp ngày càng phù hợp với dòng chảy của tự nhiên. Chính nhờ sự phát triển này mà con người đã khám phá và tìm ra rất nhiều nguồn lợi từ giới thực vật để phục vụ cho sự phát triển của nhân loại.

Họ Mua (Melastomataceae Juss.) trên thế giới có khoảng 4200 - 4500 loài, với khoảng 182 - 188 chi. Trong đó Chi *Phyllagathis* có khoảng 56 loài và chi *Sonerila* có khoảng 175 loài.

Tại Việt Nam, họ Mua có 24 chi với khoảng 127 loài thuộc về 4 tông. Trong đó hai chi Sơn linh Me nguồn (*Phyllagathis* Blume) và chi Sơn linh (*Sonerila* Roxb.) có 26 loài, phân bố từ các vùng đất ẩm ướt đến những nơi cao

ráo, mọc ở ven đường đi, ven rừng, dọc theo các suối trong rừng và lên tận những đỉnh núi cao. Chúng có trong cả rừng nguyên sinh, rừng thứ sinh hoặc tại các nương rẫy ven rừng tại khắp các tỉnh miền Bắc, miền Trung và miền Nam nước ta. Các loài trong hai chi này dùng làm thuốc hoạt huyết (*S. catonensis*, *S. plagiocardia*, ), dùng chữa lỵ (*P. cavaleriei*, *S. maculata*) [3], làm rau ăn (*S. annamica*, *S. finetii*,...) và làm cảnh. Các nghiên cứu về phân loại hai chi này tại Việt Nam còn rất hạn chế. Chủ yếu là các công trình công bố loài mới, loài bổ sung hoặc xây dựng danh lục thực vật nói chung và họ Mua nói riêng ở một số khu vực và Việt Nam. Chưa có công trình khoa học nào công bố một cách đầy đủ và có hệ thống về 2 chi Me nguồn (*Phyllagathis* Blume) và Sơn linh (*Sonerila* Roxb.). Và nhằm góp phần hoàn thiện vốn kiến thức về phân loại hai chi này ở Việt Nam. Vì vậy, luận văn “**Nghiên cứu phân loại chi Me nguồn (*Phyllagathis* Blume) và Sơn linh (*Sonerila* Roxb.) ở Việt Nam**” là cấp thiết, đáp ứng yêu cầu hiện tại phục vụ nghiên cứu phân loại hai chi nói trên trong các công trình khoa học.

## **2. Mục đích của luận văn**

Hoàn thành phân loại chi Me nguồn (*Phyllagathis* Blume) và chi Sơn linh (*Sonerila* Roxb.) ở Việt Nam một cách đầy đủ và có hệ thống, làm cơ sở để biên soạn thực vật chí về họ này ở Việt Nam.

## **3. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn**

### **➤ Ý nghĩa khoa học:**

Kết quả của luận văn góp phần bổ sung và hoàn thiện vốn kiến thức về phân loại chi Me nguồn (*Phyllagathis* Blume) và chi Sơn linh (*Sonerila* Roxb.) ở Việt Nam, là bước chuẩn bị quan trọng để biên soạn bộ sách “Thực vật chí Việt Nam” về họ Mua ( Melastomataceae Juss. )

➤ ***Ý nghĩa thực tiễn:***

Kết quả của luận văn là cơ sở khoa học phục vụ cho các ngành ứng dụng và sản xuất như Dược học, Tài nguyên thực vật, Đa dạng sinh học, cảnh quan,... và trong công tác đào tạo.

**4. Những điểm mới của luận văn**

Cho đến nay, đây là công trình khoa học về phân loại chi *Me* nguồn và chi *Son* linh một cách đầy đủ và hệ thống ở Việt Nam, bao gồm 26 loài. Các thông tin liên quan đến các taxon đã được sửa chữa, bổ sung và chỉnh lý về mặt danh pháp, trích dẫn tài liệu, mẫu vật, mô tả đặc điểm, có hình vẽ và ảnh minh họa.

**5. Bộ cục của luận văn**

- Luận văn gồm 56 trang, 24 hình vẽ, 3 bản đồ, 2 bảng, 36 ảnh màu.
- Luận văn bao gồm các phần: Mở đầu (3 trang), Chương 1: Tổng quan tài liệu (6 trang), Chương 2: Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu (3 trang), Chương 3: Kết quả nghiên cứu (43 trang), Kết luận (1 trang), Kiến nghị (1 trang), Danh mục các công trình công bố của tác giả (2 trang), Tài liệu tham khảo (51 tài liệu), Phụ lục: Bảng tra cứu tên khoa học, Bảng tra cứu tên Việt Nam, Thứ tự các tỉnh, thành phố ở Việt Nam và bản đồ phân bố các loài trong 2 chi (2). Danh lục các loài đặc hữu ở Việt Nam.

## CHƯƠNG 1

### TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU

#### 1.1. Vị trí phân loại chi *Phyllagathis* Blume và *Sonerila* Roxb. trong họ (Melastomataceae Juss.)

Chi *Phyllagathis* được Carl Ludwig Blume (1831) [28] đã đặt tên và mô tả lần đầu. Trong công trình này tác giả đã mô tả vắn tắt các đặc điểm của chi và nêu tên 1 loài *Phyllagathis rotundifolia* (Jack) Blume ở Sumatra (Indonesia), sau này, loài này được chọn làm mẫu chuẩn của chi *Phyllagathis* Blume

Chi *Sonerila* được William Roxburgh (1814) [24] lần đầu tiên nghiên cứu và nêu tên 3 loài *S. maculata*, *S. emaculata* và *S. angustifolia* ở Ấn Độ, sau này loài *S. maculata* được chọn làm mẫu chuẩn của chi *Sonerila* Roxb..

Sau khi 2 chi này được thành lập đã có nhiều tác giả nghiên cứu chuyên sâu về hệ thống phân loại và vị trí của hai chi trong họ Mua (Melastomataceae Juss.) trên nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, điển hình là:

- Carolo Naudin (1849-1853) [32] đã chia họ Melastomataceae thành 4 tông, trong đó 2 chi *Phyllagathis* và *Sonerila* nằm ở phân tông *Sonerilineae* thuộc tông Miconieae. Ông dựa vào phân vùng địa lý để chia các chi.

- Triana, José Jesronimo (1966) [29] đã thống kê và sắp xếp các chi vào 14 tông. Trong công trình này, lần đầu tiên tác giả đề cập đến tông *Sonerileae* với các chi *Phyllagathis*, *Sarcopyramis*, *Gravesia*, *Amphiblema*, *Calvoa* và *Sonerila*. Ông cũng dựa vào phân vùng địa lý để sắp xếp các chi của họ này. Ngoài ra tác giả còn dựa vào cách sắp xếp các bộ phận của hoa và cấu tạo hoa để phân chia thành các tông.

- G. Bentham & J. D. Hooker (1867) [34] chia họ Melastomataceae thành 3 phân họ, 2 loạt (seriea), và 11 tông (tribus). Chi *Phyllagathis* và chi *Sonerila* được xếp trong tông *Sonerileae* dựa vào phân bố địa lý và các đặc điểm về số lượng thành phần hoa.

- Cogniaux (1891) [30] đã mô tả và phân chia họ Mua thành 3 phân họ với 12 tông. Chi *Sonerila* và *Phyllagathis* nằm ở tông *Sonerileae* thuộc phân họ Melastomeae. Ông cũng dựa vào yếu tố địa lý để phân chia các loài về các chi trong tông *Sonerileae*.

- J. Hutchinson (1926) [19] chia họ Melastomataceae thành 4 phân họ, hai chi *Phyllagathis* và *Sonerila* thuộc tông *Sonerileae* xếp trong phân họ Melastomaceae. Ông đã dựa trên số lượng bầu, và cách mở của nhị để sắp xếp các chi vào các phân họ.

- A. Takhtajan (1987) [33] chia họ Melastomataceae thành 2 phân họ với 12 tông. Chi *Phyllagathis* và *Sonerila* thuộc tông *Sonerileae* của phân họ Melastomatoideae. Ông dựa vào dạng sống, cấu tạo của bộ nhị, nhụy và quả để phân chia các chi vào các tông và phân họ.

- V. H. Heywood (1996) [17] chia họ Melastomataceae thành 3 phân họ với 13 tông. Chi *Phyllagathis* và *Sonerila* được xếp vào tông *Sonerileae* nằm trong phân họ Melastomatoideae. Tác giả dựa vào cấu tạo của hoa, bộ nhụy và cấu tạo quả để phân chia các chi về các tông và phân họ.

- Takhtajan (2009) [26] đã dựa vào cấu tạo của hoa, bộ nhụy kết hợp với giải phẫu, tác giả chia họ Mua thành 8 tông (ông tách Memecyloideae khỏi họ Melastomataceae), chi *Phyllagathis* và *Sonerila* nằm trong tông *Sonerileae*.

## 1.2. Tình hình nghiên cứu chi *Phyllagathis* Blume và *Sonerila* Roxb. trên thế giới và các nước lân cận Việt Nam

Ngoài các nghiên cứu một cách hệ thống và chuyên sâu về phân loại chi Me nguồn *Phyllagathis* và chi *Sonerila* đã nói đến ở trên còn có một số công trình nghiên cứu của tác giả khác tại nhiều vùng lãnh thổ trên thế giới, điển hình là các công trình sau:

William Roxburgh (1820) [25] trong Flora Indica, tác giả mô tả chi *Sonerila* với đặc điểm thù đài ở trên, 3 cái, cánh hoa 3 cái ở trên đài, nhị xen kẽ, bầu có 3 ô, mỗi ô có rất nhiều noãn, đính noãn trụ giữa, quả nang có 3 ô, hạt nhiều và nhỏ. Trong công trình này Ông mô tả tóm tắt đặc điểm của 5 loài: *S. maculata*, *S. emaculata*, *S. angustifolia*, *S. moluccana* và *S. squarrosa*.

Carl Ludwig Blume (1831)[27] trong công trình “Ueber einige ostndische, und besonders Javanische Melastomaceen” đăng trên tạp chí Flora oder Botanische Zeitung số 28, tác giả đã mô tả ngắn gọn chi *Sonerila* và đề cập đến 4 loài *S. begoniaefolia*, *S. pauciflora*, *S. erecta* và *S. tenuifolia*.

C. B. Clarke (1879) [11] đã phân chia họ Mua ở Ấn Độ thành 3 phân họ với 4 tông. Tông *Sonerila* ở vị trí thứ ba, thuộc phân họ Melastomeae. Ông dựa vào hình dạng hạt, cấu tạo cụm hoa và dạng sống để phân chia các loài về các tông và phân họ. Ông đã ghi nhận 1 loài thuộc chi *Phyllagathis* và chia chi *Sonerila* thành 2 Section khác nhau (3 nhị và 6 nhị) với 42 loài.

Hooker (1884) [31] đã mô tả vắn tắt 1 loài *Sonerila fordii* nhưng sau này đã được chuyển qua chi *Fordiophyton*.

Guillaumin (1911)[35] dựa vào tiêu bản của họ Mua ở bảo tàng lịch sử tự nhiên Pháp ghi nhận cho Trung Quốc và Đông dương 2 loài thuộc chi *Phyllagathis* (*P. cavaleriei* và *P. hirsuta*) và 6 loài thuộc chi *Sonerila* (*S. annamica*, *S. cantonensis*, *S. finetii*, *S. lecomtei*, *S. quadrangularis*, *S. tenera*).



S. Gamble (1915) [12] đã mô tả chi tiết cho chi *Sonerila* và làm khóa lưỡng phân cho 13 loài nhưng không mô tả chi tiết các loài ở Madras của Ấn Độ.

Guillaumin (1921) [37] ông đã mô tả họ Mua ở Đông Dương gồm 3 phân họ với 4 tông với 16 chi. Chi *Sonerila* và *Phyllagathis* thuộc tông Sonerileae của phân họ Melastomeae, gồm các loài *P. hirsuta*, *P. tonkinensis*, *S. annamica*, *S. lecomtei*, *S. quadrangularis*, *S. rivularis*, *S. cantonensis*, *S. finetii*, *S. tenera*, *S. nisbetiana*, *S. kerii* và *S. harmandii*.

Wu C.Y. & Chen J (1921) [38] trong Thực vật chí Vân Nam, hai ông đề cập đến 5 loài và 1 dưới loài của chi *Phyllagathis*, 7 loài và 2 dưới loài của chi *Sonerila*.

Hui và LinLi (1944) [18], 2 ông đã lập khóa tra cho toàn bộ các loài trong họ Mua ở Trung Quốc và chia họ Mua thành 3 phân họ (Melastomatoideae, Astronioideae và Memecyloideae) với 6 tông. Chi *Phyllagathis* và *Sonerila* nằm ở tông Sonerileae thuộc phân họ Melastomatoideae gồm 7 loài thuộc chi *Phyllagathis* (*P. cavaleriei*, *P. ovalifolia*, *P. longipes*, *P. setotheca*, *P. stenophylla*, *P. anisophylla* và *P. oligotricha*) và 9 loài thuộc chi *Sonerila* (*S. cantonensis*, *S. rivularis*, *S. picta*, *S. yunnanensis*, *S. plagiocardia*, *S. epiloboides*, *S. hainanensis*, *S. tenera* và *S. cheliensis*).

Backer (1963) [9] trong quyển Flora of Java ông đã mô tả chi *Sonerila* và lập khóa tra cho 5 loài trong chi này.

Kara Bremer (1987) [10] đã mô tả chi tiết chi *Sonerila* lập khóa định loại cho 22 loài ở Sri Lanka.

C. Hansen (1989) [14] đã công bố cho Đông Dương và Trung Quốc 10 loài mới của chi *Phyllagathis*.

C. Hansen (1992) [15] đã mô tả đặc điểm chi *Phyllagathis* và lập khóa phân loại cho 39 loài cho Đông Dương và Trung Quốc.

Renner S. S. et al (2001) [23] đã ghi nhận ở Thái Lan có 4 loài thuộc chi *Phyllagathis* và 13 loài thuộc chi *Sonerila*.

Jie Chen & Susanne S. Renner (2007) [21], hai ông đã xây dựng khóa định loại cho toàn bộ các loài trong họ Mua ở Trung Quốc. Trong đó chi *Phyllagathis* có 24 loài và *Sonerila* có 6 loài.

Mabberley (2008) [22] trong tác phẩm ông tổng hợp và ghi nhận trên toàn thế giới có 56 loài thuộc chi *Phyllagathis* và 175 loài thuộc chi *Sonerila*.

### **1.3. Những nghiên cứu về chi Me nguồn (*Phyllagathis* Blume) và chi Sơn linh – (*Sonerila* Roxb.) ở Việt Nam**

Người đầu tiên nghiên cứu chi *Sonerila* ở Việt Nam là Cogniaux [30]. Ông đã mô tả tóm tắt loài *Sonerila tonkinensis*, sau đó Otto Stapf (1892) đã chuyển loài này thành *Phyllagathis tonkinensis*, với các đặc điểm cấu tạo của bộ phận sinh sản là mẫu 4.

Guillaumin (1911) [36]. Ông đã mô tả và công bố 5 loài mới và một thứ mới cho chi *Sonerila* (*S. annamica*, *S. finetii*, *S. lecomtei*, *S. harmandii*, *S. quadrangularis* và *S. tenera* Royle var *robustior*) ngoài ra ông còn khẳng định 2 loài của chi *Phyllagathis* (*P. cavaleriei* và *P. hirsuta*) có phân bố ở Việt Nam.

Guillaumin (1921) [37] ông đã mô tả và xây dựng khóa định loại cho họ Mua ở Đông Dương với 3 phân họ, 4 tông và 16 chi. Chi *Phyllagathis* và *Sonerila* thuộc tông Sonerileae của phân họ Melastomeae, các loài *P. hirsuta* và *P. tonkinensis*, *S. annamica*, *S. lecomtei*, *S. quadrangularis*, *S. rivularis*, *S. cantonensis*, *S. finetii*, *S. tenera*, và *S. harmandii* là có phân bố ở Việt Nam.